

Bản án số: **382/2022/KDTM-PT**

Ngày: 15/7/2022

V/v: tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hà Thanh Thủy**.

Các Thẩm phán:

1. Bà **Phùng Thị Như Mai**

2. Bà **Vũ Thị Hương**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân**- thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông **Trần Anh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 7 năm 2022 và ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 38/2022/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 30/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa Án Nhân Dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2416/2022/QĐPT-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần E

Địa chỉ: số 289/1 U, Phường H, quận B, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Tường V – sinh năm 1996, theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2022. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần VN

Địa chỉ: 36 đường A4, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Mẫn Đ - sinh năm 1998; thường trú tại xã Gia An, huyện T, tỉnh B; theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2021). *(Có mặt ngày 12/7/2022 và vắng mặt ngày 15/7/2022 nhưng có đơn xin vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông **Giáp Hùng C** - sinh năm 1980; thường trú tại: 2/11 QVT, Phường MH, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của ông Giáp Hùng C: ông Huỳnh Mẫn Đ theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2022. *(Có mặt ngày 12/7/2022 và vắng mặt ngày 15/7/2022 nhưng có đơn xin vắng mặt)*

4. Người kháng cáo: **Bị đơn** và ông **Giáp Hùng C**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm :

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Công ty Cổ phần E (sau đây viết tắt là công ty E) có bà Trần Thị Mỹ L là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào các ngày 08/4/2019, 06/5/2019 và 08/7/2019 giữa công ty E và Công ty Cổ phần VN (sau đây viết tắt là Công ty VN) có ký các hợp đồng mua bán sản phẩm công nghệ thông tin do E cung cấp bao gồm : E-Vinhnam-08042019, E-Vinhnam-06052019 và E-Vinhnam-08072019. Tổng giá trị của các hợp đồng là 1.419.638.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Nguyên đơn đã giao đủ hàng nhưng Công ty VN chỉ thanh toán tổng cộng 100.000.000 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/4/2020, các bên xác nhận Công ty VN còn nợ lại số tiền hàng chưa thanh toán là 1.319.638.000 đồng. Cùng ngày, ông Giáp Hùng C có ký cam kết về việc sẽ chịu trách nhiệm cá nhân để trả nợ thay cho Công ty VN trong trường hợp Công ty VN không trả được nợ cho Nguyên đơn.

Do Công ty VN hay ông C vẫn không thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Nguyên đơn nên Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Bị đơn là Công ty Vân Nam phải trả 1.319.638.000 đồng nợ gốc và 65.245.365 đồng nợ lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020. Nếu Bị đơn không thanh toán được thì ông C phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ thay cho Bị đơn.

Đại diện hợp pháp cho Bị đơn trình bày: Bị đơn xác nhận có ký các hợp đồng mua bán hàng hóa và có nợ khoản nợ phát sinh đúng như phía Nguyên đơn trình bày. Bị đơn có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Bị đơn sẽ rao bán toàn bộ số hàng đã mua của Nguyên đơn để trả nợ. Do Nguyên đơn là đơn vị chuyên bán các loại mặt hàng và biết nhiều đối tác có nhu cầu nên để thực hiện phương án này thì đề nghị Nguyên đơn hỗ trợ việc tìm kiếm khách hàng xem xét giảm lãi.

Đại diện hợp pháp cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Giáp Hùng C trình bày: ông C xác nhận có ký cam kết thanh toán để trả thay cho Công ty VN trong trường hợp Công ty không có khả năng thanh toán nợ cho Nguyên đơn. Ông C mong muốn phía Nguyên đơn hỗ trợ Bị đơn bằng cách tìm khách hàng và cho giãn thời gian trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đòi Bị đơn thanh toán hết số công nợ còn thiếu. Về số tiền lãi, Nguyên đơn đồng ý tính lãi theo đề nghị của Bị đơn và thống nhất mức lãi là 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Đại diện của Bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý với phần trình bày của Nguyên đơn về số nợ gốc là 1.319.638.000 đồng. Đề nghị nguyên đơn tính lãi phạt do chậm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại điều 6.1 của hợp đồng mà hai bên đã giao kết với mức lãi suất không vượt quá 8% tính trên giá trị hợp đồng bị vi phạm. Do hiện tại Công ty VN đang tạm đình chỉ hoạt động nên đề nghị nguyên đơn cho trả dần mỗi tháng 50.000.000 đồng đến khi hết số nợ.

Đại diện của ông Giáp Hùng C trình bày: ông C đồng ý với phần trình bày của Bị đơn, xác nhận có ký cam kết thanh toán và đề nghị Nguyên đơn đồng ý với phương án hỗ trợ cho Bị đơn trả dần hàng tháng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án nhân dân quận T tuân theo đúng pháp luật tố tụng về việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ. Kiến nghị Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự tố tụng, các đương sự chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm: 30/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa Án Nhân Dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 24, 50, 300, 301 và 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần E:

Buộc Công ty Cổ phần VN thanh toán cho Công ty Cổ phần E số tiền 1.425.209.040 đồng, bao gồm: 1.319.638.000 đồng nợ gốc, 105.571.040 đồng tiền phạt do chậm thanh toán để chấm dứt nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng mua bán số E-Vinhnam-08042019 ngày 08/4/2019, E-Vinhnam-06052019 ngày 06/5/2019 và E-Vinhnam-08/7/2019 mà các bên đã ký kết.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty Cổ phần VN chậm thanh toán thì Công ty Cổ phần E có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần VN không thanh toán số tiền nợ nói trên thì ông Giáp Hùng C có nghĩa vụ trả tất cả khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi phát sinh) cho Công ty Cổ phần E theo Cam kết thanh toán ngày 18/4/2020.

3. Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2021/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2021 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Giáp Hùng C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26/4/2022, Bị đơn có đơn kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận cho Bị đơn được trả nợ theo nhiều đợt và không tính lãi trên khoản tiền phạt vi phạm.

Ngày 26/4/2022, ông Giáp Hùng C có đơn kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông C chịu trách nhiệm trả nợ trên khoản tiền phạt vi phạm và hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2021/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2021 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Giáp Hùng C.

Tại phiên Tòa phúc thẩm :

* Đại diện cho Bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện cho ông Giáp Hùng C trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm , không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và ông Giáp Hùng C.

* Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn và ông Giáp Hùng C. Ngoài ra, do bản án sơ thẩm tuyên quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án không đúng với điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh nội dung tuyên của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chậm thi hành án theo đúng hướng dẫn của Nghị quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng :

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do Bị đơn có trụ sở chính tại quận T, nên Tòa án nhân dân quận T thành phố Hồ Chí Minh căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định thẩm quyền giải quyết là có cơ sở.

[1.2] Về việc vắng mặt của người đại diện cho ông Giáp Hùng C và Bị đơn: Đại diện cho ông C và Bị đơn đã tham gia quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi phiên tòa tạm ngừng và mở lại vào 08 giờ 00 phút ngày 15/7/2022 thì người đại diện cho ông Giáp Hùng C và Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiếp tục xét xử vắng mặt ông Giáp Hùng C và Bị đơn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1 Về giao kết hợp đồng và khoản công nợ phát sinh: Căn cứ các hợp đồng số E-Vinhnam-08042019 ngày 08/4/2019, E-Vinhnam-06052019 ngày 06/5/2019 và E-Vinhnam-08/7/2019 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/4/2020 mà các bên đã ký kết thì có cơ sở xác định: Việc giao kết hợp đồng và đối chiếu công nợ được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận tại hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Bản án sơ thẩm đã căn cứ kết quả đối chiếu công nợ để làm căn cứ xác định khoản nợ là 1.319.638.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện Nguyên đơn đòi bị đơn phải thanh toán nợ và khoản tiền phạt vi phạm 105.571.040 đồng tương ứng với 8% giá trị phần hợp đồng chưa thanh toán. Nội dung này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực.

[2.2] Về kháng cáo của Bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã buộc Bị đơn phải trả lãi trên khoản tiền phạt là không đúng pháp luật nên yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không tính lãi trên khoản tiền phạt vi phạm. **Xét:** Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn đồng ý chỉ tính phạt vi phạm hợp đồng theo đề nghị của Bị đơn với mức phạt vi phạm tương ứng với 8% giá trị phần hợp đồng chưa thanh toán. Bản án sơ thẩm căn cứ vào trình bày thống nhất này của các bên để xác định số tiền phạt hợp đồng là 105.571.040 đồng tương ứng với 8% giá trị phần hợp đồng chưa thanh toán. Bản án sơ thẩm không có nội dung nào ghi nhận việc tính lãi trên số tiền phạt hợp đồng. Do vậy kháng cáo nêu trên của Bị

đơn là không có cơ sở. Ngoài ra do bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ và phương án trả nợ làm nhiều đợt không được sự đồng ý của Nguyên đơn nên bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả một lần số công nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[3] Về trình bày kháng cáo của ông C cho rằng chỉ cam kết trả lãi do chậm thanh toán chứ không cam kết trả tiền phạt do chậm thanh toán nên không đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền phạt thay cho Công ty VN trong trường hợp Công ty VN không trả được tiền phạt như bản án sơ thẩm tuyên. **Xét:** theo điều 6.1 của hợp đồng mà hai bên đã giao kết có thỏa thuận trả lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất không vượt quá 8% giá trị vi phạm của hợp đồng. Tại Điều 2 bản cam kết thanh toán do ông C lập ngày 18/4/2020 thì các bên có ghi nhận nghĩa vụ thanh toán của ông C là bao gồm gốc và lãi phát sinh do thanh toán không đúng hạn. Tại phiên tòa sơ thẩm thì các bên chỉ thống nhất thay đổi chế tài tính lãi do vi phạm thanh toán bằng chế tài phạt hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán với mức phạt là 8% trên khoản tiền vi phạm mà không có thỏa thuận hủy bỏ nghĩa vụ của ông C đối với lãi phát sinh. Hơn nữa phạt vi phạm hay trả lãi thì các bên đều xác định là chế tài phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy kháng cáo nêu trên của ông C là không có cơ sở để được chấp nhận. Bản án sơ thẩm quyết định về nội dung: Trường hợp Công ty VN không thanh toán số tiền nợ gồm 1.319.638.000 đồng và khoản tiền phạt vi phạm 105.571.040 đồng thì ông Giáp Hùng C có nghĩa vụ trả tất cả khoản nợ cho Công ty E là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm.

[4] Về kháng cáo của ông C yêu cầu hủy bỏ quyết định khẩn cấp tạm thời số 05/2021/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2021 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Giáp Hùng C. **Xét:** Bản án sơ thẩm nhận định việc ông C không cung cấp được chứng cứ chứng minh có tài sản của ông C ở Việt Nam để đảm bảo quá trình thi hành án và việc ông C xuất cảnh gây ảnh hưởng tới việc thi hành án nên bản án sơ thẩm đã quyết định giữ nguyên quyết định khẩn cấp tạm thời số 05/2021/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2021 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Giáp Hùng C là phù hợp với Điều 17 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về biện pháp khẩn cấp tạm thời nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo nêu trên của ông C.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên Tòa. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Bị đơn và ông Giáp Hùng C.

[5] Về án phí :

[5.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về án phí .

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự có thống nhất áp dụng phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà không thỏa thuận việc trả lãi do chậm thanh toán là thuộc trường hợp phải áp dụng nghĩa vụ chậm thi hành án theo điểm b Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm Quyết định với nội dung: “Trường hợp Công ty VN chậm thanh toán thì Công ty E có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả” là chưa đúng với quy định về nghĩa vụ do chậm thi hành án theo hướng dẫn của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nêu trên nên cần điều chỉnh lại như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần VN. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần E:

Buộc Công ty Cổ phần VN thanh toán cho Công ty Cổ phần E số tiền 1.425.209.040 đồng (*Một tỉ, bốn trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm lẻ chín ngàn, không trăm bốn mươi*) đồng bao gồm: nợ gốc là 1.319.638.000 đồng, tiền phạt do chậm thanh toán là 105.571.040 đồng phát sinh từ các hợp đồng mua bán số E-Vinhnam-08042019 ngày 08/4/2019, E-Vinhnam-06052019 ngày 06/5/2019 và E-Vinhnam-08/7/2019 do các bên đã ký kết.

Trường hợp Công ty Cổ phần VN không thanh toán số tiền nợ nêu trên thì ông Giáp Hùng C có nghĩa vụ trả tất cả khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi phát sinh) cho Công ty Cổ phần E theo Cam kết thanh toán ngày 18/4/2020.

2. Giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2021/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2021 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Giáp Hùng C.

3. Về án phí:

3.1. *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*: Công ty Cổ phần VN chịu là 54.756.271 (Năm mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi sáu ngàn, hai trăm bảy mươi mốt) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần E toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 26.773.245 (Hai mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm bốn mươi lăm) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0068424 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3.2. *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm*:

Công ty Cổ phần VN chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2021/0031366 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Ông Giáp Hùng C phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2021/0031365 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần VN và ông Giáp Hùng C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày Công ty Cổ phần E có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Các bên đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận T;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi Cục THA DS Q. T
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thanh Thủy

.